ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẢN NGOẠI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 286/QĐ-UBND	*Bản Ngoại, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai dự toán Ngân sách xã Bản Ngoại năm 2023
(Dự toán trình HĐND xã phê chuẩn)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BẢN NGOẠI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Trên cơ sở biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách năm 2023 xã Bản Ngoại giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế Đại Từ và UBND xã Bản Ngoại ngày 01/11/2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Bản Ngoại năm 2023 trình Hội đồng nhân dân xã Bản Ngoại khóa XX, nhiệm kỳ 2021 – 2026 phê chuẩn tại kỳ họp thứ 5.

(Theo các biểu chi tiết đính kèm).

- Thời gian niêm yết từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022

Điều 2. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính- Kế toán UBND xã Bản Ngoại chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng uỷ, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Đông

THUYẾT MINH

Dự toán thu chi ngân sách xã Bản Ngoại năm 2023 trình HĐND phê chuẩn

(Kèm theo Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND xã Bản Ngoại)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 ;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trên cơ sở biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách năm 2023 xã Bản Ngoại giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế Đại Từ và UBND xã Bản Ngoại ngày 01/11/2022;

UBND xã Bản Ngoại thuyết minh dự toán ngân sách xã Bản Ngoại năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã như sau:

1. Thu ngân sách:

Tổng kế hoạch thu Ngân sách năm 2023: 7.538.000.000đ. (Trong đó Ngân sách xã được hưởng 6.920.000.000đ). Bao gồm:

- Thu cân đối: 1.110.000.000đ.
- Thu trợ cấp: 5.721.000.000đ.
- Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương: 707.000.000 đồng.

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết đại hội đảng bộ xã Bản Ngoại nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, trên cơ sở số thực hiện 11 tháng, ước thực hiện cả năm 2022 và dự báo các nguồn thu năm 2023 để tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm do thực hiện các văn bản Pháp luật liên quan ban hành để xây dựng dự toán thu năm 2023.

Dự toán thu ngân sách năm 2023 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Trên cơ sở đánh giá tình hình thu ngân sách năm 2022, cần phân tích dự báo các tác động của thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác làm thay đổi tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thu nhập của nhân dân.

2. Dự toán chi ngân sách:

Kế hoạch chi Ngân sách năm 2023 là: 6.920.000.000 đồng. Bao gồm:

- Chi thường xuyên: 6.026.000.000 đồng.
- Tiết kiệm chi 10%: 77.000.000 đồng
- Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương: 707.000.000 đồng
- Dự phòng : 110.000.000 đồng.

Ngoài khoản chi lương và có tính chất lương, các khoản chi cho hoạt động thường xuyên phân bổ trên cơ sở mức chi huyện giao, căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2023.

- Riêng các tổ chức hội đặc thù tự đảm bảo kinh phí hoạt động của mình, NSNN chỉ bố trí các khoản chi phụ cấp theo chế độ, không bố trí kinh phí hoạt động chi thường xuyên.

- Dự toán trên chỉ bao gồm phần kế hoạch tạm tính, một số nhiệm vụ phát sinh sẽ được xem xét và phân bổ khi có trợ cấp bổ sung từ NS huyện (Nếu có)

Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi và theo chế độ tài chính hiện hành của nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi xác định nhiệm vụ chi và dự toán chi, đảm bảo công khai, minh bạch. Chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng, đáp ứng yêu cầu, theo chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Phân bổ theo nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư xây dựng năm 2023, khi nào có quyết định giao vốn sẽ bổ sung kế hoạch vốn theo quy định.

2.2. Chi thường xuyên: Dự toán chi thường xuyên năm 2023 sẽ thực hiện phân bổ theo nghị quyết phân bổ chi thường xuyên của HĐND huyện. UBND xã Bản Ngoại phân bổ tạm thời như sau (Sau khi có quyết định giao dự toán chính thức của UBND huyện, UBND xã trình HĐND xã bổ sung điều chỉnh):

Chi ngân sách cấp xã theo định mức 105.000.000đ/ biên chế/ năm, tổng số 20 biên chế.

Các khoản chi khác được phân bổ chi tiết như sau:

Hoạt động của hội đồng nhân dân 50.000.000 đồng; tiền điện, SC máy tính + mực in + phần mềm diệt virut: 3.000.000 đồng.

Hoạt động của Đảng 72.000.000 đồng; hoạt động HN, kiểm tra, giám sát: 20.000.000 đồng; tiền điện, SC máy tính + mực in + phần mềm diệt virut: 6.000.000 đồng.

Ban thanh tra ND: 5.000.000 đồng/ năm; BGS đầu tư cộng đồng: 10.000.000 đồng/ năm, hoạt động của khu dân cư: 8.000.000đ/ năm; Kinh phí toàn dân đoàn kết XD đời sống VH, đô thị văn minh: 30.000.000 đồng; BCĐ toàn dân ĐK XD ĐSVH ở KDC: 25.000.000đ/năm.

Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở xóm: 17.000.000 đồng/ xóm loại 1; 16.000.000 đồng/ xóm loại 2.

Chi khác đoàn thể 10.000.000đ/đoàn thể/năm, riêng MTTQ phân bổ 12.000.000đ/năm; tiền điện, SC máy tính + mực in + phần mềm diệt virut: 3.000.000 đồng/ đoàn thể.

Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 35.000.000 đồng/ năm; sự nghiệp thể dục thể thao: 25.000.000 đồng/năm

Chi hoạt động An ninh,Quốc phòng : 75.000.000 đồng/ năm.

Hỗ trợ chi khác CA chính quy: 25.000.000 đồng;

Chi huấn luyện dân quân tự vệ: 136.500.000 đồng.

Chi sự nghiệp kinh tế: 35.000.000 đồng/năm.

(Tất cả các khoản chi thường xuyên nói trên chưa trừ 10% tiết kiệm chi)

Chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi: 38.700.000 đồng.

Các chế độ chính sách khác nhà nước quy định như: chi thâm niên quân sự, phụ cấp HĐND, Phụ cấp cấp uỷ, hưu xã, dân quân tự vệ, phụ cấp nhân viên y tế xóm và các khoản lương, phụ cấp khác...giao theo nhu cầu thực tế.

Nhiệm vụ thu chi Ngân sách phải gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương đã đề ra năm 2023, để đáp ứng được nhu cầu chi trên địa bàn đòi hỏi thu Ngân sách phải đạt và vượt so với kế hoach giao; việc điều hành Ngân sách phải theo đúng kế hoạch và dự toán được duyệt, thực hiện triệt để Pháp lệnh tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý và điều hành Ngân sách.

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 103/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 TRÌNH HĐND XÃ PHÊ CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022)

ĐVT: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**6.919.499**	**TỔNG SỐ CHI**	**6.298.801**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**70.000**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**0**
1. Phí, lệ phí	***70.000***		
Lệ phí môn bài	24.000		
Lệ phí chứng thư	46.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ	**395.000**	**II. Chi thường xuyên**	**5.572.717**
1. Thu ngoài quốc doanh	***270.000***	Chi văn hóa, thông tin	31.500
- Thuế môn bài	0	Chi thể dục thể thao	22.500
- Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	270.000	Chi sự nghiệp giao thông	20.000
2. Thuế thu nhập cá nhân	***0***	Chi sự nghiệp khác	15.000
- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	0	Chi cho công tác xã hội	105.644
- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	0	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, hội đặc thù, QP-AN	5.378.073
- Thuế TNCN từ tiền lương, khác	0		
3. Lệ phí trước bạ nhà đất	***125.000***		
III. Thu bổ sung	**5.720.896**	**III. Dự phòng**	**100.000**
- Bổ sung cân đối	5.720.896	**IV. Tiết kiệm chi**	**74.576**
- Bổ sung có mục tiêu	0	**V. Chi chuyển nguồn**	**551.508**
IV. Thu khác tại xã	**27.000**		
V. Thu quản lý qua ngân sách	**0**		
VI. Thu chuyển nguồn	**706.603**		

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 104/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 TRÌNH HĐND XÃ PHÊ CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**12.384.448**	**12.384.448**	**7.537.499**	**6.919.499**	**60,86**	**55,87**
I	**Các khoản thu 100%**	**108.660**	**108.660**	**97.000**	**97.000**	**89,27**	**89,27**
	Phí, lệ phí	75.400	75.400	70.000	70.000	92,84	92,84
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	33.260	33.260	27.000	27.000	81,18	81,18
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**638.270**	**638.270**	**1.013.000**	**395.000**	**158,71**	**61,89**
1	Các khoản thu phân chia	638.270	638.270	1.013.000	395.000	158,71	61,89
	- Thuế giá trị gia tăng hộ cố định	77.370	77.370	270.000	270.000	348,97	348,97
	-Thuế thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	409.310	409.310	481.000	0	117,51	0,00
	- Thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh	38.250	38.250	137.000	0	358,17	0,00
	- Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương, khác	0	0	0	0		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	113.340	113.340	125.000	125.000	110,29	110,29
2	Thu phạt vi phạm trong lĩnh vực giao thông	0	0				
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**	**551.508**	**551.508**	**706.603**	**706.603**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**86.010**	**86.010**	**0**	**0**	**0,00**	**0,00**
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**11.000.000**	**11.000.000**	**5.720.896**	**5.720.896**	**52,01**	**52,01**
	- Thu bổ sung cân đối	5.300.000	5.300.000	5.720.896	5.720.896	107,94	107,94
	- Thu bổ sung có mục tiêu	5.700.000	5.700.000	0	0	0,00	0,00

UBND XÃ BẢN NGOẠI

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 TRÌNH HĐND XÃ PHÊ CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	8=5/2	9=6/3	
	TỔNG CHI	**5.740.649**	**0**	**5.740.649**	**6.919.499**	**0**	**6.919.499**	**120,5**		**120,54**
I	**Chi đầu tư xây dựng cơ bản**									
II	**Chi thường xuyên**	**5.566.073**	**0**	**5.566.073**	**6.025.407**	**0**	**6.025.407**	**108,3**		**108,25**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	0		0	0		0			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			0			0			
3	Chi y tế	102.000		102.000	102.000		102.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500	31.500		31.500	100,0		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh			0	0		0			
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	22.500		22.500	100,0		100,00
7	Chi sự nghiệp giao thông	20.000		20.000	20.000		20.000			
8	Chi sự nghiệp thủy lợi	15.000		15.000	15.000		15.000			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, hội đặc thù, quốc phòng, an ninh	5.276.073		5.276.073	5.728.763		5.728.763	108,6		108,58
10	Chi cho công tác xã hội	99.000		99.000	105.644		105.644	106,7		106,71
11	Chi khác			0			0			
III	**Dự phòng ngân sách + tiếp kiệm chi**	**174.576**		**174.576**	**187.489**	**0**	**187.489**	**107,4**		**107,40**
IV	**Chi chuyển nguồn năm trước**	-			**706.603**		**706.603**			
V	**Chi kết dư năm trước**	-			-					

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 106/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[1] NĂM 2023 TRÌNH HĐND XÃ PHÊ CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 189/ QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022)

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2018	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2018	Dự toán năm 2019			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cấp trên hỗ trợ	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1. Công trình chuyển tiếp		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
2. Công trình khởi công mới									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
...									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 107/CK TC-NSNN**

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023
TRÌNH HĐND XÃ PHÊ CHUẨN

(Kèm theo Quyết định số 186/ QĐ-UBND ngày 01.. tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**160.030**	**133.450**	**26.580**	**104.000**	**104.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**160.030**	**133.450**	**26.580**	**104.000**	**104.000**	**0**
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	17.090	17.090	0	17.000	17.000	0
Quỹ bảo trợ trẻ em	17.560	17.000	560	17.500	17.500	0
Quỹ vì người nghèo	73.120	50.000	23.120	17.000	17.000	0
Quỹ nhân đạo	17.380	16.000	1.380	17.500	17.500	0
Quỹ khác	0	0	0	0	0	0
Quỹ hội người cao tuổi	17.520	16.000	1.520	17.500	17.500	0
Quỹ khuyến học	17.360	17.360	0	17.500	17.500	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ …						
…						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

UBND XÃ BẢN NGOẠI Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**6.919.499**	**TỔNG SỐ CHI**	**6.298.801**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	97.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ [1]	395.000	II. Chi thường xuyên	5.572.717
III. Thu bổ sung	5.720.896	III. Dự phòng	100.000
- Bổ sung cân đối	5.720.896	IV. Tiếp kiệm chi	74.576
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	706.603	V. Chi chuyển nguồn	551.508

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

UBND XÃ BẢN NGOẠI Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	**6.919.499**	**6.919.499**
I	**Các khoản thu 100%**	**97.000**	**97.000**
	Phí, lệ phí	70.000	70.000
	Phí môn bài		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0	0
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		**0**
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0
	Thu khác	27.000	27.000
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**395.000**	**395.000**
1	Các khoản thu phân chia	395.000	395.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	270.000	270.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	125.000	125.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	**0**	**0**
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	0	0
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	0	0
	- Thuế TNCN từ tiền lương, khác		0
	…		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**	**706.603**	**706.603**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.720.896**	**5.720.896**
	- Thu bổ sung cân đối	5.720.896	5.720.896
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	0
VII	**Thu quản lý qua ngân sách**	**0**	**0**

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 110/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**6.298.801**		**6.298.801**
I	**Chi đầu tư**			
II	**Chi thường xuyên**	**5.572.717**		**5.572.717**
	Trong đó	0		
1	Chi giáo dục	0		0
2	Chi thủy lợi			0
3	Chi y tế	0		0
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500
5	Chi sự nghiệp xã hội	105.644		105.644
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500
7	Chi quốc phòng an ninh	1.003.420		1.003.420
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000		35.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội	4.374.653		4.374.653
10	Chi cho ngành đặc thù	0		
III	**Dự phòng ngân sách**	**100.000**		**100.000**
IV	**Tiếp kiệm chi**	**74.576**		**74.576**
V	**Chi chuyển nguồn năm trước**	**551.508**		**551.508**
VI	**Chi kết dư năm trước**	**0**		**-**

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 111/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cấp trên hỗ trợ	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1. Công trình chuyển tiếp		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
Không									
-									
2. Công trình khởi công mới									
Không									
-									
-									
...									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

UBND XÃ BẢN NGOẠI **Biểu số 112/CK TC-NSNN**

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**160.030**	**133.450**	**26.580**	**104.000**	**104.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**160.030**	**133.450**	**26.580**	**104.000**	**104.000**	**0**
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	17.090	17.090	0	17.000	17.000	0
Quỹ bảo trợ trẻ em	17.560	17.000	560	17.500	17.500	0
Quỹ vì người nghèo	73.120	50.000	23.120	17.000	17.000	0
Quỹ nhân đạo	17.380	16.000	1.380	17.500	17.500	0
Quỹ khác	0	0	0	0	0	0
Quỹ hội người cao tuổi	17.520	16.000	1.520	17.500	17.500	0
Quỹ khuyến học	17.360	17.360	0	17.500	17.500	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ …						
…						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi